

Số: 141/2021-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Tên CTQLQ: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**

Mã chứng khoán: **FUEVFNVD**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế,  
Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08-3825 1488

Fax: 08-3825 1477

Người thực hiện CBTT: **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**

Chức vụ: Phó tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố: Báo cáo kiểm toán năm 2020**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 10/03/2021 tại đường dẫn <http://dcvfm.com.vn> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

**Người công bố thông tin**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**

**Phó tổng Giám đốc**



## **QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn  
từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

38/GCN-UBCK cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

43/GCN-UBCK cấp ngày 22 tháng 4 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở và Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở được cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

**Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ**

241/QĐ-SGDHCM cấp ngày 7 tháng 5 năm 2020

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ được cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Đại diện Quỹ**

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Bà Trần Ngọc Hân	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam)

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngõ Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
*Chủ tịch*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2021

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181, Thông tư 198 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**1. Thông tin chung về Quỹ**

**a. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ phù hợp với Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**b. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 4.664,03% so với giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày xác định NAV đầu tiên là ngày 27 tháng 4 năm 2020; trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là 69,73%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 68,89% tính từ thời điểm cuối cùng đăng ký góp vốn là ngày 23 tháng 3 năm 2020.

**c. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

**d. Phân loại Quỹ**

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục (“quỹ ETF”).

**e. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Không có.

**f. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Trung bình.

**g. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 7 tháng 5 năm 2020 với mã chứng khoán là FUEVFNVD.

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**h. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 311.100.000 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 16.973,41 VND.

**i. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số VN DIAMOND.

**j. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ ETF VFMVN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

**k. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ**

Không có.

**2. Số liệu hoạt động**

**a. Cơ cấu tài sản quỹ**

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2020
Danh mục chứng khoán	99,26%
Tài sản khác	0,74%
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>

**b. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

Chỉ tiêu	31/12/2020
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	5.280.430.128.341
Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	311.100.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	16.973,41
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	16.973,41
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.767,86
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	17.200
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	17.200
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.500

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	31/12/2020
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
▪ <i>Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)</i>	Không áp dụng
▪ <i>Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)</i>	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có
Ngày chốt quyền	Không có
Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,05
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	14,03

**c. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	69,73	98,22
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có	Không có

**d. Tăng trưởng hàng năm**

Thời kỳ	31/12/2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	98,22



**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Mô tả thị trường trong năm 2020**

Kết thúc năm 2020, VN-Index đóng cửa tại 1.104 điểm, là mức cao nhất kể từ tháng 4 năm 2018 và tăng trưởng 14,9% trong năm 2020.

Những điểm chính của thị trường trong năm vừa qua:

- i) Thanh khoản thị trường đạt mức cao nhờ dòng vốn nội địa, tổng giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trong năm 2020 đạt 267 triệu USD, tăng 79,2% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn 18,7% so với mức trung bình năm 2018;
- ii) Ngành Bán lẻ tiếp tục là động lực chính cho thị trường chứng khoán trong năm qua;
- iii) Nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 813 triệu USD trong năm 2020, trong khi chỉ có các quỹ ETFs nội địa mua ròng 193 triệu USD cùng năm;
- iv) Thị trường tăng trưởng bền vững nhờ dòng tiền của nhà đầu tư trong nước.

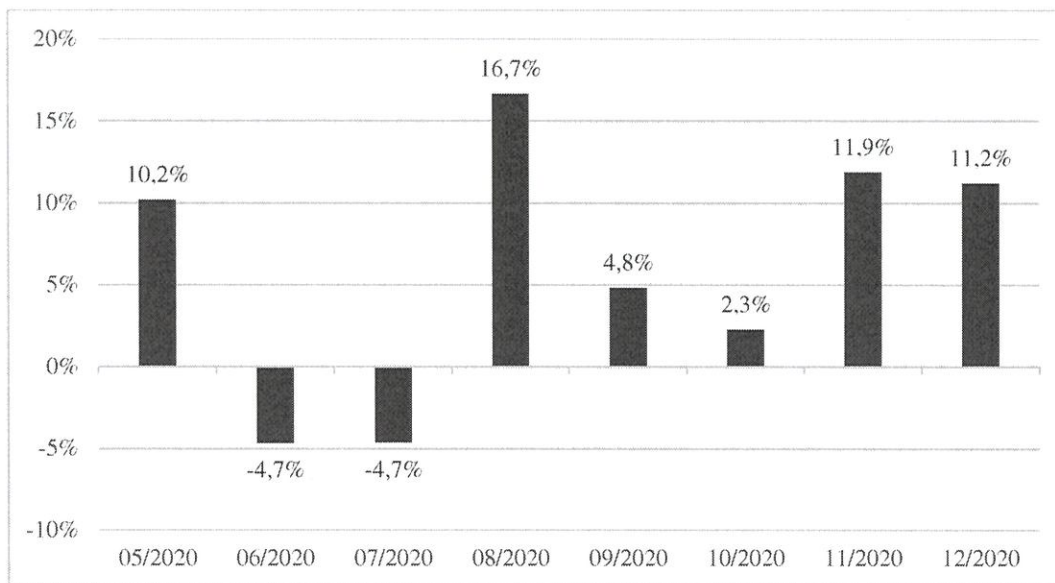
**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**

**a. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	98,22
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	69,73
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	63,81

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ kể từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2020 (1)	27/4/2020 (Ngày xác định NAV đầu tiên) (2)	Tỷ lệ thay đổi (3)=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	5.280.430.128.341	110.839.662.054	4.664,03%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	16.973,41	10.866,63	56,20%

Tính từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng mạnh và cùng với đó được sự quan tâm và góp vốn của nhà đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN DIAMOND nên tổng NAV của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND có mức tăng mạnh mẽ.

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**b. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	442	407.198	0,13
Từ 5.000 đến 10.000	41	281.050	0,09
Từ 10.000 đến 50.000	37	863.680	0,28
Từ 50.000 đến 500.000	35	7.206.167	2,32
Trên 500.000	46	302.341.905	97,18
<b>Tổng cộng</b>	<b>601</b>	<b>311.100.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Trong năm 2020, Việt Nam đã vượt qua những đợt đầu đại dịch Covid-19 và ghi nhận mức tăng trưởng GDP thuộc nhóm cao nhất thế giới (+2,9%). Hoạt động xuất nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế trong năm 2020. Làn sóng chuyển dịch chuỗi cung ứng tiếp tục diễn ra và nguồn vốn FDI duy trì ổn định khi chỉ giảm 2% trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm. Xuất khẩu tăng trưởng 6,5%, đạt 281 tỷ USD năm 2020, đây là mức tăng trưởng thấp so với năm trước tuy nhiên trong bối cảnh khó khăn của năm 2020, không tăng trưởng âm đã là điều tích cực. Trong khi đó, nhập khẩu tăng 3,6%, đạt 262 tỷ USD. Nhờ đó, thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục 19,1 tỷ USD, tương đương 5,6% GDP. Việt Nam đã rất thành công trong hoạt động xuất khẩu khi thặng dư thương mại với Mỹ đạt 63 tỷ USD, tăng 35,1%. Ngoài ra, vắc-xin Covid-19 sắp được triển khai trong thời gian tới (Việt Nam đã đặt mua 30 triệu liều vắc-xin từ AstraZeneca). Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 sẽ đạt 7%.

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu
	Trần Lê Minh	Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Ban Đại diện Quỹ	Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
	Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	- Từ tháng 8/2004 đến tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng - Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán AS - Từ tháng 9/2012 đến tháng 5/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán F&A - Từ 2013 đến nay: Kiểm toán viên, Giám đốc kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín.
	Trần Ngọc Hân	Thành viên	Luật sư	- Từ 2015 đến nay: Chuyên viên cao cấp Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

**Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	Beat Schurch	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ ngày 30/12/2020 đến nay: Tổng Giám đốc
	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2003 đến ngày 29/12/2020: Tổng Giám đốc
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – kinh tế	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
	Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2021

11/03/2021

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND (Quỹ) cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ ETF VFMVN DIAMOND đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Quỹ đã thực hiện phát hành, và hoán đổi Chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Kết thúc đợt phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng (IPO), thì Quỹ đã huy động được 102 lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với 10.200.000 chứng chỉ Quỹ, và vốn góp của 03 nhà đầu tư là 102 tỷ đồng. Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng lô chứng chỉ quỹ huy động tổng cộng là 3.111 lô, tương ứng với 311.100.000 chứng chỉ quỹ, và vốn góp là 3.111 tỷ đồng.
- d) Trong giai đoạn từ 22 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

TPHCM, ngày 04 tháng 03 năm 2021



**Ngô Thùy Dương**  
Phó Trưởng Phòng DVKHTC2

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Trần Thúy Quỳnh**  
Kiểm soát viên



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF VFMVN DIAMOND**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 15 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.



Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ ETF VFMVN DIAMOND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00257-21-1



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2021



**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020****Mẫu số B01g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>1.044.716.309.512</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	10	27.932.075.326
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	10	99.784.019
1.3	Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư	04	11	30.697.822.855
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	12	985.986.627.312
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>532.491.764</b>
2.1	Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	11	13	532.491.764
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>	<b>20</b>		<b>13.623.545.509</b>
3.1	Phí quản lý quỹ ETF	20.1	18	10.722.660.176
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	20.2	14	392.721.742
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	18	604.964.122
3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	20.4	18	311.812.823
3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	20.5		42.048.387
3.6	Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF	20.6	15	1.283.987.031
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		109.999.997
3.11	Chi phí hoạt động khác	20.11	16	155.351.231
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>1.030.560.272.239</b>
<b>V</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>1.030.560.272.239</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		44.573.644.927
6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		985.986.627.312
<b>VI</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>1.030.560.272.239</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ  
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính  
Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>39.013.886.580</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	111		14.013.886.580
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		25.000.000.000
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>5.245.932.380.150</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	5.245.932.380.150
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>30.821.921</b>
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		30.821.921
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136		30.821.921
	<b>TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>5.284.977.088.651</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
6	Chi phí phải trả	316	6	96.636.297
9	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	319	7	4.450.324.013
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 316 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>4.546.960.310</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

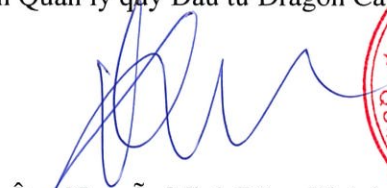
STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 – 300)</b>	<b>400</b>		<b>5.280.430.128.341</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>8</b>	<b>3.111.000.000.000</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		3.229.000.000.000
1.2	Vốn góp hoán đổi lại	413		(118.000.000.000)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>8</b>	<b>1.138.869.856.102</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>9</b>	<b>1.030.560.272.239</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>8</b>	<b>16.973,41</b>
<b>V</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
4	Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	004	8	311.100.000

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu số B03g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Giai đoạn từ  
22/4/2020 đến  
31/12/2020  
VND

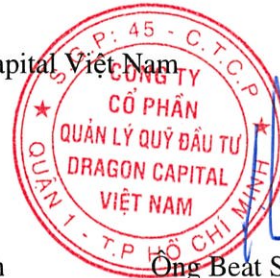
STT	Chi tiêu	
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (“NAV”) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	1.030.560.272.239
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	1.030.560.272.239
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ ETF	4.249.869.856.102
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ ETF	4.411.668.821.681
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(161.798.965.579)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ (IV = I + II + III)	<b>5.280.430.128.341</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc


**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

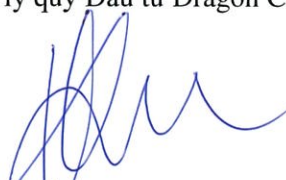
Mẫu số B04g – ETF  
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2020 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2020 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>5.245.932.380.150</b>	<b>99,26%</b>
1	CTD	1.257.040	77.700	97.672.008.000	1,84%
2	CTG	9.340.750	34.550	322.722.912.500	6,11%
3	FPT	12.165.540	59.100	718.983.414.000	13,60%
4	GMD	8.325.310	32.600	271.405.106.000	5,14%
5	KDH	11.879.223	29.300	348.061.233.900	6,59%
6	MBB	20.881.039	23.000	480.263.897.000	9,09%
7	MWG	5.975.216	118.900	710.453.182.400	13,44%
8	NLG	5.056.022	29.500	149.152.649.000	2,82%
9	PNJ	5.986.656	81.000	484.919.136.000	9,18%
10	REE	4.647.153	48.950	227.478.139.350	4,30%
11	TCB	20.074.730	31.500	632.353.995.000	11,97%
12	TPB	7.516.490	26.800	201.441.932.000	3,81%
13	VPB	18.493.070	32.500	601.024.775.000	11,37%
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			30.821.921	0,00%
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			39.013.886.580	0,74%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>5.284.977.088.651</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

  
 Bà Vương Thị Trâm Anh  
 Kế toán quỹ

  
 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm  
 Giám đốc Tài chính

  
 Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B05g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.030.560.272.239</b>
<b>Điều chỉnh cho:</b>			
Lợi nhuận do việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	02		(16.641.467.265)
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		(985.986.627.312)
Chi phí trích trước	04		96.636.297
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>28.028.813.959</b>
Tăng các khoản đầu tư	20		(9.834.358.673)
Tăng dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(30.821.921)
Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	17		4.450.324.013
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>22.613.957.378</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	21		17.431.518.581
Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	22		(1.031.589.379)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>16.399.929.202</b>
<b>Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>39.013.886.580</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B05g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	50		-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	4	39.013.886.580
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	57		13.895.784.260
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57		25.000.000.000
- Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	58		118.102.320
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	60		39.013.886.580

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

## **QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ ETF VFMVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng số 38/GCN-UBCK vào ngày 27 tháng 2 năm 2020. Theo giấy chứng nhận này, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp là 102.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 10.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 241/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2020.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải luôn đảm bảo danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND, và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN DIAMOND. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND bao gồm các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch, tỷ lệ P/E và tỷ lệ đầu tư nước ngoài.



## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- a) Quỹ không được đầu tư vào quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- b) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- d) Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- e) Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- f) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC (“Thông tư 229”) ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, trừ trường hợp quy định tại điểm (d), (e), (f) và (g) bên trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
- c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- d) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12, Thông tư 229;
- e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được định giá hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Quỹ không có cán bộ, công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ hoán đổi danh mục có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các thông tin sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c) được đo lường theo giá trị thị trường hay giá trị hợp lý, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Quỹ là từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) **Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) **Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

#### (i) Phân loại

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

#### (ii) Ghi nhận ban đầu

Danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư được ghi nhận tại ngày giao dịch.

Danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

#### (iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 229, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

***Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu***

Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới trước ngày định giá.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### **Cổ phiếu**

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

### **Chứng khoán phái sinh**

- Chứng khoán phái sinh niêm yết  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá:
  - Giá thanh toán cuối ngày theo quy định nếu có;
  - Giá đóng cửa.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

### **Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### ***Quyền mua cổ phiếu***

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị được xác định là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày định giá và giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá vốn của chứng khoán phái sinh được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

#### **(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### (g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, các công cụ tài chính của Quỹ được phân loại như sau:

### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản được nắm giữ với mục đích bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

## (ii) **Nợ phải trả tài chính**

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



## **QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

### **(h) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

#### ***Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành.

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục. Các nội dung trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

### **(i) Vốn góp và thặng dư vốn**

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại.

#### ***(i) Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu và có thể phát sinh khoản bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau:

- phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ tại ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1);

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành;
- chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

### (ii) *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu và khoản thanh toán bằng tiền (nếu có) lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

### (iii) *Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp là khoản chênh lệch giữa giá phát hành/giá hoán đổi lại của một chứng chỉ quỹ với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp hoán đổi lại.

### (j) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ báo cáo.

### (k) *Chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ*

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 VND, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu của mỗi giao dịch hoán đổi là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và làm tròn xuống lấy đến (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

#### (i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

#### (ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### (m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

### (n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

### (o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	13.895.784.260
Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	118.102.320
	<hr/>
	14.013.886.580
	<hr/>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	25.000.000.000
	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	39.013.886.580
	<hr/> <hr/>

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó, các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

#### Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2020		Chênh lệch do đánh giá lại cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2020		
	VND	[1]	VND	[3]		VND	[5]=[1]+[3]+[4]
Cổ phiếu niêm yết	4.259.945.752.838	[1]	5.245.932.380.150	985.986.627.312	[4]	-	5.245.932.380.150

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 6. Chi phí phải trả

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Phí kiểm toán	76.999.997
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	14.262.295
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.374.005
	<hr/>
	96.636.297
	<hr/>

### 7. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Phí quản lý Quỹ	2.974.769.149
Phí quản trị Quỹ	81.806.152
Phí giám sát Quỹ	163.612.301
Phí lưu ký chứng khoán	74.369.228
Phí giao dịch chứng khoán	300.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000
Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho HOSE	606.808.158
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả cho HOSE	532.159.025
	<hr/>
	4.450.324.013
	<hr/>

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 8. Vốn góp của nhà đầu tư và thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 43/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 102.000.000.000 VND tương ứng với 10.200.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ hoán đổi danh mục nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Phát hành lần đầu	Phát sinh trong kỳ	31/12/2020
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	10.200.000	312.700.000	322.900.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	102.000.000.000	3.127.000.000.000	3.229.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	-	1.182.668.821.681	1.182.668.821.681
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	102.000.000.000	4.309.668.821.681	4.411.668.821.681
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	-	(11.800.000)	(11.800.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	-	(118.000.000.000)	(118.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)	VND	-	(43.798.965.579)	(43.798.965.579)
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	-	(161.798.965.579)	(161.798.965.579)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>				
	CCQ	10.200.000	300.900.000	311.100.000
<b>Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>				
	VND	102.000.000.000	3.009.000.000.000	3.111.000.000.000
<b>Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>				
	VND	-	1.138.869.856.102	1.138.869.856.102
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>				
	VND	-	1.030.560.272.239	1.030.560.272.239
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>				
	VND	102.000.000.000		5.280.430.128.341
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>				
	VND/ CCQ	10.000,00		16.973,41
<b>NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) = (13)/{(9)/100.000 CCQ}</b>				
	NAV/ Lô CCQ	1.000.000.000		1.697.341.732

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 9. Lợi nhuận chưa phân phối

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	1.030.560.272.239
Trong đó:	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối</i>	44.573.644.927
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	985.986.627.312
	<hr/>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	1.030.560.272.239

### 10. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Cổ tức được chia trong kỳ	
▪ Cổ tức đã nhận	27.932.075.326
	<hr/>
	27.932.075.326
Tiền lãi được nhận trong kỳ	
▪ Tiền lãi đã nhận	68.962.098
▪ Dự thu lãi chưa đến ngày nhận	30.821.921
	<hr/>
	99.784.019
	<hr/>
	28.031.859.345



**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**11. Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư***Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán trong kỳ	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2020	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đầu kỳ
	VND [1]	VND [2]	VND [3] = [1] – [2]	VND [4] = [3] + [5]	VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	351.244.147.947	320.546.325.092	30.697.822.855	30.697.822.855	-

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**12. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

*Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Danh mục các khoản đầu tư	Giá mua theo số	Giá trị thị trường tại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch tăng	Chênh lệch tăng đánh giá lại
	kế toán	ngày 31/12/2020	đánh giá lại tại ngày	đánh giá lại tại ngày	các khoản đầu tư chưa thực
	VND	VND	31/12/2020	22/4/2020	hiện được ghi nhận từ ngày
	[1]	[2]	VND	VND	22/4/2020 đến ngày 31/12/2020
			[3] = [2] – [1]	[4]	VND
					[5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	4.259.945.752.838	5.245.932.380.150	985.986.627.312	-	985.986.627.312

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 13. Chi phí giao dịch hoán đổi, mua bán các khoản đầu tư

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư (*)	275.386.521
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư (*)	257.105.243
	<hr/>
	532.491.764
	<hr/>

(\*) Chi phí môi giới giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho việc mua, bán các cổ phiếu niêm yết.

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020**

STT	Tên các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo) [1]	Quan hệ với công ty quản lý quỹ [2]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [7]
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán [3]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) [4]		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	135.150.909.600	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	60.009.337.000	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam	Không liên quan	53.470.000.000	376.731.546.577	14,19%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	53.091.956.230	376.731.546.577	14,09%	0,15%-0,50%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Không liên quan	40.754.859.247	376.731.546.577	10,82%	0,15%-0,50%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	34.254.484.500	376.731.546.577	9,09%	0,15%-0,50%
<b>Tổng</b>			<b>376.731.546.577</b>		<b>100,00%</b>	

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch hoán đổi và thực hiện quyền) và các giao dịch mua/bán hệ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 14. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 18)	274.828.176
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 18)	10.000.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	107.893.566
	<hr/>
	392.721.742

### 15. Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV)	667.098.878
Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu	616.888.153
	<hr/>
	1.283.987.031

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho HOSE theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (không chịu thuế giá trị gia tăng (“GTGT”))	<ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 500 tỷ VND: 0,080% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 500 tỷ VND đến dưới 1.000 tỷ VND: 0,065% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND đến dưới 2.000 tỷ VND: 0,055% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,040% NAV mỗi năm.</li></ul>
Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) (không chịu thuế GTGT)	0,05% NAV mỗi năm

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối thiểu là 240 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Các phí trên được tính theo từng kỳ định giá NAV tương ứng với ngày làm việc trong tháng. Số phí của mỗi kỳ định giá NAV được tính dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả mỗi sáu tháng một lần (“kỳ thanh toán”). Số phí trả trong mỗi kỳ thanh toán là tổng số phí được tính theo từng kỳ định giá NAV phát sinh trong kỳ thanh toán.

### 16. Chi phí hoạt động khác

	<b>Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 18)	68.262.295
Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ và chi phí hoạt động khác	87.088.936
Trong đó:	
▪ Chi phí thiết lập quỹ	50.000.000
▪ Phí niêm yết trả cho HOSE	17.500.000
▪ Phí ngân hàng	14.214.931
▪ Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.374.005
	<hr/>
	155.351.231
	<hr/>

H  
H  
H

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***17. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG
1	Ngày 27 tháng 4 năm 2020	110.839.662.054	10.200.000	10.866,63	-
2	Ngày 28 tháng 4 năm 2020	110.839.519.643	10.200.000	10.866,61	(0,02)
3	Ngày 30 tháng 4 năm 2020	111.106.113.893	10.200.000	10.892,75	26,14
4	Ngày 3 tháng 5 năm 2020	111.092.581.641	10.200.000	10.891,42	(1,33)
5	Ngày 4 tháng 5 năm 2020	109.880.505.679	10.200.000	10.772,59	(118,83)
6	Ngày 5 tháng 5 năm 2020	110.161.008.786	10.200.000	10.800,09	27,50
7	Ngày 6 tháng 5 năm 2020	112.053.795.242	10.200.000	10.985,66	185,57
8	Ngày 7 tháng 5 năm 2020	113.691.880.470	10.200.000	11.146,26	160,60
9	Ngày 10 tháng 5 năm 2020	116.204.312.001	10.200.000	11.392,57	246,31
10	Ngày 11 tháng 5 năm 2020	119.272.288.935	10.200.000	11.693,36	300,79
11	Ngày 12 tháng 5 năm 2020	121.411.459.218	10.200.000	11.903,08	209,72
12	Ngày 13 tháng 5 năm 2020	123.810.591.158	10.200.000	12.138,29	235,21
13	Ngày 14 tháng 5 năm 2020	213.072.497.627	17.700.000	12.037,99	(100,30)
14	Ngày 17 tháng 5 năm 2020	215.797.810.868	18.200.000	11.857,02	(180,97)
15	Ngày 18 tháng 5 năm 2020	482.318.469.684	40.000.000	12.057,96	200,94
16	Ngày 19 tháng 5 năm 2020	536.758.356.700	43.700.000	12.282,79	224,83
17	Ngày 20 tháng 5 năm 2020	552.379.508.789	45.300.000	12.193,80	(88,99)
18	Ngày 21 tháng 5 năm 2020	639.112.582.045	51.800.000	12.338,08	144,28
19	Ngày 24 tháng 5 năm 2020	660.714.573.715	54.800.000	12.056,83	(281,25)
20	Ngày 25 tháng 5 năm 2020	676.137.212.222	55.800.000	12.117,15	60,32
21	Ngày 26 tháng 5 năm 2020	687.039.798.293	56.100.000	12.246,69	129,54
22	Ngày 27 tháng 5 năm 2020	681.133.432.957	56.800.000	11.991,78	(254,91)
23	Ngày 28 tháng 5 năm 2020	684.378.093.133	57.000.000	12.006,63	14,85
24	Ngày 31 tháng 5 năm 2020	696.131.174.678	58.000.000	12.002,26	(4,37)
25	Ngày 1 tháng 6 năm 2020	714.345.916.604	58.200.000	12.273,98	271,72
26	Ngày 2 tháng 6 năm 2020	725.387.541.190	59.600.000	12.170,93	(103,05)
27	Ngày 3 tháng 6 năm 2020	734.788.368.395	59.700.000	12.308,01	137,08
28	Ngày 4 tháng 6 năm 2020	738.637.273.084	59.900.000	12.331,17	23,16
29	Ngày 7 tháng 6 năm 2020	745.965.691.636	60.000.000	12.432,76	101,59
30	Ngày 8 tháng 6 năm 2020	771.646.098.452	61.000.000	12.649,93	217,17
31	Ngày 9 tháng 6 năm 2020	956.954.023.272	76.500.000	12.509,20	(140,73)
32	Ngày 10 tháng 6 năm 2020	1.117.628.724.568	88.700.000	12.600,09	90,89
33	Ngày 11 tháng 6 năm 2020	1.190.550.319.713	99.800.000	11.929,36	(670,73)
34	Ngày 14 tháng 6 năm 2020	1.239.118.671.913	102.600.000	12.077,18	147,82
35	Ngày 15 tháng 6 năm 2020	1.202.597.387.092	103.400.000	11.630,53	(446,65)
36	Ngày 16 tháng 6 năm 2020	1.247.835.063.864	104.800.000	11.906,82	276,29
37	Ngày 17 tháng 6 năm 2020	1.246.406.653.709	105.400.000	11.825,49	(81,33)
38	Ngày 18 tháng 6 năm 2020	1.275.355.324.884	107.800.000	11.830,75	5,26

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
39	Ngày 21 tháng 6 năm 2020	1.301.798.416.476	108.200.000	12.031,40	200,65
40	Ngày 22 tháng 6 năm 2020	1.327.706.976.854	109.900.000	12.081,04	49,64
41	Ngày 23 tháng 6 năm 2020	1.332.029.590.323	110.000.000	12.109,35	28,31
42	Ngày 24 tháng 6 năm 2020	1.324.654.856.352	110.200.000	12.020,46	(88,89)
43	Ngày 25 tháng 6 năm 2020	1.363.081.613.173	114.700.000	11.883,88	(136,58)
44	Ngày 28 tháng 6 năm 2020	1.390.066.826.000	116.900.000	11.891,07	7,19
45	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	1.352.129.247.214	117.000.000	11.556,66	(334,41)
46	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.362.487.799.178	119.100.000	11.439,86	(116,80)
47	Ngày 1 tháng 7 năm 2020	1.425.331.458.683	122.000.000	11.683,04	243,18
48	Ngày 2 tháng 7 năm 2020	1.425.003.618.399	122.000.000	11.680,35	(2,69)
49	Ngày 5 tháng 7 năm 2020	1.431.268.788.391	122.300.000	11.702,93	22,58
50	Ngày 6 tháng 7 năm 2020	1.455.280.651.455	122.300.000	11.899,26	196,33
51	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	1.467.260.034.386	123.100.000	11.919,25	19,99
52	Ngày 8 tháng 7 năm 2020	1.469.831.591.751	123.100.000	11.940,14	20,89
53	Ngày 9 tháng 7 năm 2020	1.497.602.738.150	123.100.000	12.165,74	225,60
54	Ngày 12 tháng 7 năm 2020	1.481.975.945.215	123.100.000	12.038,79	(126,95)
55	Ngày 13 tháng 7 năm 2020	1.482.673.451.857	123.100.000	12.044,46	5,67
56	Ngày 14 tháng 7 năm 2020	1.480.431.099.193	123.200.000	12.016,48	(27,98)
57	Ngày 15 tháng 7 năm 2020	1.499.147.041.620	123.300.000	12.158,53	142,05
58	Ngày 16 tháng 7 năm 2020	1.508.478.300.789	123.300.000	12.234,21	75,68
59	Ngày 19 tháng 7 năm 2020	1.501.967.725.897	123.300.000	12.181,40	(52,81)
60	Ngày 20 tháng 7 năm 2020	1.481.887.376.757	123.300.000	12.018,55	(162,85)
61	Ngày 21 tháng 7 năm 2020	1.485.428.525.568	123.400.000	12.037,50	18,95
62	Ngày 22 tháng 7 năm 2020	1.472.855.769.419	123.400.000	11.935,62	(101,88)
63	Ngày 23 tháng 7 năm 2020	1.475.725.533.316	123.400.000	11.958,87	23,25
64	Ngày 26 tháng 7 năm 2020	1.415.119.418.215	123.400.000	11.467,74	(491,13)
65	Ngày 27 tháng 7 năm 2020	1.334.138.222.129	123.900.000	10.767,86	(699,88)
66	Ngày 28 tháng 7 năm 2020	1.391.694.816.225	124.200.000	11.205,27	437,41
67	Ngày 29 tháng 7 năm 2020	1.359.609.748.981	125.300.000	10.850,83	(354,44)
68	Ngày 30 tháng 7 năm 2020	1.434.017.178.870	130.100.000	11.022,42	171,59
69	Ngày 31 tháng 7 năm 2020	1.419.086.091.516	130.100.000	10.907,65	(114,77)
70	Ngày 2 tháng 8 năm 2020	1.419.007.177.277	130.100.000	10.907,04	(0,61)
71	Ngày 3 tháng 8 năm 2020	1.456.441.794.375	130.100.000	11.194,78	287,74
72	Ngày 4 tháng 8 năm 2020	1.479.025.065.129	130.100.000	11.368,37	173,59
73	Ngày 5 tháng 8 năm 2020	1.510.434.487.368	130.100.000	11.609,79	241,42
74	Ngày 6 tháng 8 năm 2020	1.528.208.776.873	132.100.000	11.568,57	(41,22)
75	Ngày 9 tháng 8 năm 2020	1.532.668.363.908	132.600.000	11.558,58	(9,99)
76	Ngày 10 tháng 8 năm 2020	1.545.681.533.156	133.100.000	11.612,93	54,35
77	Ngày 11 tháng 8 năm 2020	1.555.418.791.103	133.500.000	11.651,07	38,14
78	Ngày 12 tháng 8 năm 2020	1.564.962.271.327	133.600.000	11.713,78	62,71



**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
79	Ngày 13 tháng 8 năm 2020	1.585.929.208.213	133.600.000	11.870,72	156,94
80	Ngày 16 tháng 8 năm 2020	1.585.281.873.376	133.600.000	11.865,88	(4,84)
81	Ngày 17 tháng 8 năm 2020	1.584.783.006.594	133.700.000	11.853,27	(12,61)
82	Ngày 18 tháng 8 năm 2020	1.582.083.461.366	133.900.000	11.815,41	(37,86)
83	Ngày 19 tháng 8 năm 2020	1.587.696.674.131	133.600.000	11.883,95	68,54
84	Ngày 20 tháng 8 năm 2020	1.586.971.285.400	133.600.000	11.878,52	(5,43)
85	Ngày 23 tháng 8 năm 2020	1.609.690.617.890	133.600.000	12.048,58	170,06
86	Ngày 24 tháng 8 năm 2020	1.650.157.187.058	133.600.000	12.351,47	302,89
87	Ngày 25 tháng 8 năm 2020	1.684.610.092.017	134.100.000	12.562,34	210,87
88	Ngày 26 tháng 8 năm 2020	1.684.497.422.578	134.800.000	12.496,27	(66,07)
89	Ngày 27 tháng 8 năm 2020	1.709.735.593.576	135.700.000	12.599,37	103,10
90	Ngày 30 tháng 8 năm 2020	1.856.848.351.764	145.300.000	12.779,41	180,04
91	Ngày 31 tháng 8 năm 2020	1.853.924.646.350	145.700.000	12.724,25	(55,16)
92	Ngày 2 tháng 9 năm 2020	1.877.221.060.291	146.100.000	12.848,87	124,62
93	Ngày 3 tháng 9 năm 2020	1.899.645.873.304	146.300.000	12.984,59	135,72
94	Ngày 6 tháng 9 năm 2020	1.906.918.068.083	148.000.000	12.884,58	(100,01)
95	Ngày 7 tháng 9 năm 2020	1.854.855.773.466	148.300.000	12.507,45	(377,13)
96	Ngày 8 tháng 9 năm 2020	1.978.241.648.226	155.900.000	12.689,17	181,72
97	Ngày 9 tháng 9 năm 2020	1.969.158.458.053	155.500.000	12.663,39	(25,78)
98	Ngày 10 tháng 9 năm 2020	1.997.300.715.405	156.600.000	12.754,15	90,76
99	Ngày 13 tháng 9 năm 2020	2.009.485.295.621	157.700.000	12.742,45	(11,70)
100	Ngày 14 tháng 9 năm 2020	2.038.572.773.980	159.100.000	12.813,15	70,70
101	Ngày 15 tháng 9 năm 2020	2.047.976.355.466	159.900.000	12.807,85	(5,30)
102	Ngày 16 tháng 9 năm 2020	2.049.224.129.703	159.200.000	12.872,01	64,16
103	Ngày 17 tháng 9 năm 2020	2.042.187.620.840	159.200.000	12.827,81	(44,20)
104	Ngày 20 tháng 9 năm 2020	2.081.803.659.808	159.500.000	13.052,06	224,25
105	Ngày 21 tháng 9 năm 2020	2.111.843.199.622	160.100.000	13.190,77	138,71
106	Ngày 22 tháng 9 năm 2020	2.128.131.765.140	160.700.000	13.242,88	52,11
107	Ngày 23 tháng 9 năm 2020	2.168.869.973.010	162.500.000	13.346,89	104,01
108	Ngày 24 tháng 9 năm 2020	2.191.858.879.411	164.800.000	13.300,11	(46,78)
109	Ngày 27 tháng 9 năm 2020	2.192.465.026.740	165.400.000	13.255,53	(44,58)
110	Ngày 28 tháng 9 năm 2020	2.239.508.647.896	166.700.000	13.434,36	178,83
111	Ngày 29 tháng 9 năm 2020	2.235.054.270.400	168.100.000	13.295,98	(138,38)
112	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	2.244.878.995.971	168.300.000	13.338,55	42,57
113	Ngày 1 tháng 10 năm 2020	2.288.132.020.801	169.400.000	13.507,27	168,72
114	Ngày 4 tháng 10 năm 2020	2.270.572.820.910	169.500.000	13.395,70	(111,57)
115	Ngày 5 tháng 10 năm 2020	2.302.242.803.969	169.600.000	13.574,54	178,84
116	Ngày 6 tháng 10 năm 2020	2.352.405.674.555	173.100.000	13.589,86	15,32
117	Ngày 7 tháng 10 năm 2020	2.347.744.242.272	173.700.000	13.516,08	(73,78)
118	Ngày 8 tháng 10 năm 2020	2.358.539.996.193	174.100.000	13.547,04	30,96

30  
 CH  
 ÔN  
 HP

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
119	Ngày 11 tháng 10 năm 2020	2.366.442.336.911	174.600.000	13.553,50	6,46
120	Ngày 12 tháng 10 năm 2020	2.360.224.755.384	174.600.000	13.517,89	(35,61)
121	Ngày 13 tháng 10 năm 2020	2.365.750.992.327	174.800.000	13.534,04	16,15
122	Ngày 14 tháng 10 năm 2020	2.401.579.110.327	174.900.000	13.731,15	197,11
123	Ngày 15 tháng 10 năm 2020	2.414.553.426.848	175.300.000	13.773,83	42,68
124	Ngày 18 tháng 10 năm 2020	2.449.483.579.842	175.500.000	13.957,17	183,34
125	Ngày 19 tháng 10 năm 2020	2.468.520.160.361	175.500.000	14.065,64	108,47
126	Ngày 20 tháng 10 năm 2020	2.490.845.720.065	175.700.000	14.176,69	111,05
127	Ngày 21 tháng 10 năm 2020	2.480.053.021.283	176.300.000	14.067,23	(109,46)
128	Ngày 22 tháng 10 năm 2020	2.516.984.499.340	176.100.000	14.292,92	225,69
129	Ngày 25 tháng 10 năm 2020	2.524.097.638.168	176.100.000	14.333,31	40,39
130	Ngày 26 tháng 10 năm 2020	2.466.183.903.889	175.100.000	14.084,43	(248,88)
131	Ngày 27 tháng 10 năm 2020	2.457.600.540.387	175.400.000	14.011,40	(73,03)
132	Ngày 28 tháng 10 năm 2020	2.382.655.146.007	176.000.000	13.537,81	(473,59)
133	Ngày 29 tháng 10 năm 2020	2.376.691.778.433	176.300.000	13.480,95	(56,86)
134	Ngày 31 tháng 10 năm 2020	2.404.888.002.923	176.300.000	13.640,88	159,93
135	Ngày 1 tháng 11 năm 2020	2.404.822.823.725	176.300.000	13.640,51	(0,37)
136	Ngày 2 tháng 11 năm 2020	2.425.265.952.814	176.300.000	13.756,47	115,96
137	Ngày 3 tháng 11 năm 2020	2.446.341.750.267	176.300.000	13.876,01	119,54
138	Ngày 4 tháng 11 năm 2020	2.460.488.235.070	176.300.000	13.956,25	80,24
139	Ngày 5 tháng 11 năm 2020	2.454.825.680.922	176.900.000	13.876,91	(79,34)
140	Ngày 8 tháng 11 năm 2020	2.450.750.502.262	177.400.000	13.814,82	(62,09)
141	Ngày 9 tháng 11 năm 2020	2.490.005.997.430	177.300.000	14.044,02	229,20
142	Ngày 10 tháng 11 năm 2020	2.472.239.771.164	176.800.000	13.983,25	(60,77)
143	Ngày 11 tháng 11 năm 2020	2.502.279.549.732	178.400.000	14.026,23	42,98
144	Ngày 12 tháng 11 năm 2020	2.543.335.372.193	178.200.000	14.272,36	246,13
145	Ngày 15 tháng 11 năm 2020	2.576.170.159.107	178.200.000	14.456,62	184,26
146	Ngày 16 tháng 11 năm 2020	2.526.365.636.453	176.500.000	14.313,68	(142,94)
147	Ngày 17 tháng 11 năm 2020	2.578.497.712.484	176.700.000	14.592,51	278,83
148	Ngày 18 tháng 11 năm 2020	2.561.136.532.176	175.600.000	14.585,05	(7,46)
149	Ngày 19 tháng 11 năm 2020	2.577.290.115.478	175.600.000	14.677,05	92,00
150	Ngày 22 tháng 11 năm 2020	2.582.677.020.002	175.600.000	14.707,72	30,67
151	Ngày 23 tháng 11 năm 2020	2.634.817.848.318	177.000.000	14.885,97	178,25
152	Ngày 24 tháng 11 năm 2020	2.643.349.838.832	178.000.000	14.850,27	(35,70)
153	Ngày 25 tháng 11 năm 2020	2.661.024.316.142	178.700.000	14.891,01	40,74
154	Ngày 26 tháng 11 năm 2020	2.687.542.946.547	179.000.000	15.014,20	123,19
155	Ngày 29 tháng 11 năm 2020	2.784.963.970.240	183.000.000	15.218,38	204,18
156	Ngày 30 tháng 11 năm 2020	3.024.901.473.126	198.200.000	15.261,86	43,48
157	Ngày 1 tháng 12 năm 2020	3.365.209.989.884	218.400.000	15.408,47	146,61
158	Ngày 2 tháng 12 năm 2020	3.568.845.264.266	231.000.000	15.449,54	41,07

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV	
				VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
159	Ngày 3 tháng 12 năm 2020	3.587.378.355.299	232.000.000	15.462,83	13,29
160	Ngày 6 tháng 12 năm 2020	3.617.341.339.306	234.500.000	15.425,76	(37,07)
161	Ngày 7 tháng 12 năm 2020	3.649.038.255.415	235.700.000	15.481,70	55,94
162	Ngày 8 tháng 12 năm 2020	3.706.502.167.971	238.100.000	15.566,99	85,29
163	Ngày 9 tháng 12 năm 2020	3.827.921.109.872	243.500.000	15.720,41	153,42
164	Ngày 10 tháng 12 năm 2020	3.779.799.958.736	243.700.000	15.510,05	(210,36)
165	Ngày 13 tháng 12 năm 2020	3.961.301.973.583	251.600.000	15.744,44	234,39
166	Ngày 14 tháng 12 năm 2020	4.215.393.357.712	264.700.000	15.925,17	180,73
167	Ngày 15 tháng 12 năm 2020	4.394.437.532.050	277.700.000	15.824,40	(100,77)
168	Ngày 16 tháng 12 năm 2020	4.654.900.715.735	288.600.000	16.129,24	304,84
169	Ngày 17 tháng 12 năm 2020	4.616.734.404.770	289.000.000	15.974,85	(154,39)
170	Ngày 20 tháng 12 năm 2020	4.806.307.149.691	293.300.000	16.387,00	412,15
171	Ngày 21 tháng 12 năm 2020	4.894.388.367.619	294.000.000	16.647,57	260,57
172	Ngày 22 tháng 12 năm 2020	5.040.201.089.492	300.000.000	16.800,67	153,10
173	Ngày 23 tháng 12 năm 2020	4.975.562.310.792	300.400.000	16.563,12	(237,55)
174	Ngày 24 tháng 12 năm 2020	4.924.619.129.700	301.700.000	16.322,90	(240,22)
175	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	5.039.851.649.708	302.500.000	16.660,66	337,76
176	Ngày 28 tháng 12 năm 2020	5.039.059.124.385	303.200.000	16.619,58	(41,08)
177	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	5.131.150.779.975	307.900.000	16.664,99	45,41
178	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	5.163.292.724.174	309.100.000	16.704,27	39,28
179	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.280.430.128.341	311.100.000	16.973,41	269,14
• Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		1.967.805.003.563			
• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					(699,88)
• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					0,02

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 18. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### (i) *Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ*

Giai đoạn từ  
22/4/2020 đến  
31/12/2020  
VND

Phí quản lý Quỹ

10.722.660.176

---

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ (không chịu thuế GTGT) là 0,80% mỗi năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### (ii) *Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

Giai đoạn từ  
22/4/2020 đến  
31/12/2020  
VND

Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 16)

68.262.295

---

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh –  
Ngân hàng Giám sát

	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 14)	274.828.176
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 14)	10.000.000
Phí dịch vụ giám sát tài sản	604.964.122
Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	311.812.823
Phí ngân hàng	14.214.931
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.941.550

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát tài sản (chưa bao gồm thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 600 tỷ VND: 0,06% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 600 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,04% NAV mỗi năm.</li></ul> Tối thiểu 15.000.000 VND mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán (không chịu thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none"><li>0,02% NAV mỗi năm</li></ul> Tối thiểu 10.000.000 VND mỗi tháng.
Quản trị Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,03% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,02% NAV mỗi năm.</li></ul> Tối thiểu 15.000.000 VND mỗi tháng.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ sẽ phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.



## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 19. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

Giai đoạn từ  
22/4/2020 đến  
31/12/2020

#### I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư

1	Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,80%
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,07%
3	Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,13%
4	Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,01%
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,00%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,05%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/(NAV trung bình trong kỳ) (%)	14,03%

#### II Các chỉ tiêu khác

##### 1 Quy mô Quỹ đầu kỳ

(tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)

Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ -

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ -

##### 2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ

(tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)

Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ 322.900.000

Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ  
(theo mệnh giá) 3.229.000.000.000

Số lượng chứng chỉ quỹ hoán đổi lại trong kỳ (11.800.000)

Giá trị vốn góp hoán đổi lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư  
(theo mệnh giá) (118.000.000.000)

##### 3 Quy mô Quỹ cuối kỳ

(tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ)

Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ 3.111.000.000.000

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ 311.100.000

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Giai đoạn từ  
22/4/2020 đến  
31/12/2020

4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,59%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	70,20%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	98,77%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	601
8	NAV/chứng chỉ quỹ cuối kỳ	16.973,41

## 20. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu là chứng khoán của các công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Chi phí phải trả	96.636.297	96.636.297	96.636.297
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	4.450.324.013	4.450.324.013	4.450.324.013
	4.546.960.310	4.546.960.310	4.546.960.310



## **QUỸ ETF VFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

### **(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### **(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

#### **(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### **(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 5.245.932.380.150 VND. Trong giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 57%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 57% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 2.990.181.456.686 VND.

### **(d) Rủi ro hoạt động**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN DIAMOND và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

121  
1  
3  
F  
1011

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN DIAMOND do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN DIAMOND theo định kỳ ba tháng/một lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó, nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán chứng chỉ quỹ.

### (e) Giá trị hợp lý

#### (i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>		
▪ Các khoản đầu tư	5.245.932.380.150	5.245.932.380.150
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	39.013.886.580	39.013.886.580
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	30.821.921	30.821.921
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Chi phí phải trả	(96.636.297)	(96.636.297)
▪ Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	(4.450.324.013)	(4.450.324.013)

## QUỸ ETF VFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## 21. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Quỹ lập kể từ ngày thành lập.

## 22. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

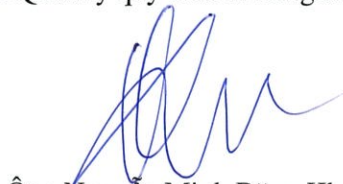
Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 4 tháng 3 năm 2021.

Ngày 4 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

